

Bản án số: 151/2017/HSST

Ngày: 24/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thắng*

- *Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Lưu*

Bà Nguyễn Thị Lan Ka

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2017, tại trụ sở nhà văn hóa phường N; Địa chỉ: phố N, phường N, quận B, Hà Nội; Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 139/2017/HSST ngày 07/8/2017 đối với bị cáo: Phạm Tiến D, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: nhà A tập thể N, phường, quận B, Hà Nội; Nơi ở: không rõ địa chỉ. Nghề nghiệp: không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Phạm Quốc T và bà Đỗ Thị L. Theo trích lục tiền án, tiền sự lập ngày 08/5/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo có các tiền án sau:

- Bản án số 778/HSST ngày 05/6/1998 Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân”. Bị cáo nộp án phí ngày 05/8/2013 (chưa được xóa án).

- Bản án số: 95/HSST ngày 05/10/2001 Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 09 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo chấp hành chung cho 2 tội là 21 tháng tù (đã được xóa án).

- Bản án số 453/2009/HSST ngày 01/9/2009 Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 36 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” (chưa được xóa án).

- Bản án số 446/2013/HSST ngày 21/8/2013 Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 36 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” (chưa được xóa án).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/4/2017, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/4/2017, D đi xe bus từ đường P đến đường N; tại đây D gọi điện thoại cho người tên T (không biết tên tuổi cụ thể) có số điện thoại 01628627492 để hỏi mua ma túy. T hẹn D đến điểm xe bus đối diện số nhà 625 đường L để gặp T. Do không đủ tiền nên D đã đặt chiếc điện thoại của mình để đổi lấy ma túy. T đồng ý cầm điện thoại rồi dùng xe máy đi khoảng 45 phút sau quay lại đưa cho D 01 gói heroin. D cầm gói heroin cất vào túi quần bỏ phía trước đang mặc tìm nơi sử dụng. Khoảng 11 giờ 45 phút, tại đối diện nhà số 625 đường L, D bị tổ công tác công an phường T kiểm tra, phát hiện, thu giữ 01 gói heroin và đưa về trụ sở công an phường để giải quyết. Ngoài ra tổ công tác còn thu giữ của D 29.000đồng.

Theo bản kết luận giám định số 3164/KLGĐ-PC54 ngày 24/5/2017 của phòng kỹ thuật hình sự công an Thành phố Hà Nội kết luận: chất bột màu trắng bên trong 01 gói giấy bạc màu vàng là heroin, trọng lượng 0,035 gam.

Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được đối tượng tên T bán ma túy cho D nên không có căn cứ xử lý.

Bản cáo trạng số 150/CT-VKS ngày 04/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận B đã truy tố bị cáo D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo D về tội tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; Điều 33; Điều 41; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội; Xử phạt bị cáo D mức án từ 20 tháng đến 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu tiêu hủy tổng trọng lượng ma túy thu giữ của bị cáo là 0,035 gam. Tịch thu sung công quỹ số tiền 29.000 đồng thu giữ của D.

Bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản niêm phong tang vật, kết luận giám định và phù hợp với các biên bản, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Viện kiểm sát nhân dân quận B truy tố bị cáo về hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận những chứng cứ buộc tội của Viện kiểm sát và đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

Những chứng cứ trên đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 11 giờ 45 ngày 14/4/2017, tại đối diện số nhà 625 đường L, phường T, quận B, Hà Nội; bị cáo D đã có hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp 01 gói heroin trong túi quần bỏ phía trước đang mặc nhằm mục đích sử dụng đã bị phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng. Theo bản kết luận giám định: chất bột màu trắng bên trong 01 gói giấy bạc màu vàng là heroin, trọng lượng 0,035 gam.

Xét nhân thân bị cáo đã có 04 tiền án: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo có 3 tiền án chưa được xóa án tích: Bản án số 453/2009/HSST ngày 01/9/2009 Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 36 tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”, ra trại ngày 20/01/2012; Bản án số 446/2013/HSST ngày 21/8/2013 Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 36 tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”, ra trại ngày 08/4/2016. Căn cứ thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT – BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007, thì tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo cùng với hành vi phạm tội nêu trên được lấy làm căn cứ định tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Tiền án còn lại của bị cáo được xác định là tình tiết tái phạm, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Do vậy hành vi trên của bị cáo D đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà Nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, vi phạm pháp luật hình sự. Do vậy đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình phạt: xét bị cáo D tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, nên đề cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Cũng xét quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực

thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015. Đối chiếu với quy định của điều 194 khoản 1 Bộ luật hình sự năm 1999 “Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”. Theo quy định tại khoản 1 điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”. Xét xử theo quy định tại điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có lợi cho người phạm tội nên cần được áp dụng làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo D không có nghề nghiệp ổn định nên xét không áp dụng phạt tiền làm hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng của vụ án đã bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận B gồm: một phong bì niêm phong bên trong chứa heroin đã qua giám định; đây là vật cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 29.000 đồng thu giữ của bị cáo theo quy định tại khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: Phạm Tiến D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; Điều 33; Điều 41; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 76; Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự. Áp dụng Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 và áp dụng khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Xử phạt: Phạm Tiến D 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 14/4/2017.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong bên trong chứa heroin đã qua giám định có chữ ký của giám định và đương sự, hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận B đang quản lý theo biên bản bàn giao vật chứng số 165 ngày 28/7/2017.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 29.000đ (Hai mươi chín nghìn đồng) theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 20/7/2017, nộp vào tài khoản số: 3949.106.1691 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, tại kho bạc nhà nước quận B.

Bị cáo Phạm Tiến D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTP H;
- VKS nhận đơn quởn B;
- Chi cục THA quởn B;
- Bp c, o;
- L-u VP, hủ s-./.

TM. Húi @ảg xĐt xõ
ThEm ph,n - Chũ tũa phi^n tũa

Đã ký

TrÇn Xu©n Th¾ng